TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2024
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Xô.

2. Bà Nguyễn Thị Lựu.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đoàn Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn*** *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Hồng Tiệp- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 463/2023/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 về *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Lưu Thị H, sinh năm 1993.

Nơi ĐKHKTT: Thôn XX, xã QT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư XY, phường Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- ***Bị đơn***: Anh Ngô Văn C, sinh năm 1994.

Nơi ĐKHKTT : Thôn XX, xã QT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 23, phân trại 2, trại giam Quảng Ninh - Cục C10 - Bộ công an.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Ông Ngô Văn K, sinh năm 1972.
Địa chỉ: Thôn XX, xã QT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

(*Chị H và anh C, ông K đều xin vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lưu Thị H và anh Ngô Văn C kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 13-11-2015 tại UBND xã Quang Trung, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận ở nhà bố mẹ đẻ của anh C tại thôn Tống Thượng, xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019, chị H đi xuất khẩu lao động nên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Sau khi chị H sang Đài Loan được vài tháng, do tình hình kinh tế khó khăn, công việc không ổn định nên anh C yêu cầu chị về nước nhưng chị không đồng ý. Vợ chồng xảy ra tranh cãi và không còn liên hệ với nhau. Hiện vợ chồng ly thân từ năm 2019 không còn quan tâm chăm sóc nhau. Tháng 7-2023, anh C bị tòa án nhân dân huyện Kim Thành xét xử về tội ‘‘ Trộm cắp tài sản’’ với mức án 18 tháng tù, thời gian chấp hành từ ngày 26-10-2023. Hiện đang chấp hành án tại Đội 23, phân trại 2, trại giam Quảng Ninh- cục C10 – Bộ công an.

Chị H trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Cuộc sống hôn nhân ngột ngạt, không tìm được tiếng nói chung. Năm 2019, chị đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Do kinh tế khó khăn, khó làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng. Anh C yêu cầu chị về nước nhưng chị không đồng ý do mới sang được thời gian ngắn. Từ đó, vợ chồng không còn liên lạc và không quan tâm nhau. Thỉnh thoảng chỉ gọi điện để trao đổi các vấn đề liên quan đến con chung. Tháng 6-2023, chị hết hạn cư trú tại Đài Loan nên về nước. Tình cảm vợ chồng không còn như trước nên chị không gọi điện báo với anh C mà đi thẳng về nhà bố mẹ đẻ tại Khu dân cư Giang Hạ, phường Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương sinh sống cho đến nay. Ngoài ra, anh C không chung thủy, ham chơi, vay nợ và không tu chí làm ăn. Anh C còn lấy tên, địa chỉ và số điện thoại của bố mẹ chị để vay tiền qua mạng xã hội. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc con cái. Tuy nhiên, chị không đồng ý vì không còn tình cảm với anh C. Nay xét tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn vì mâu thuẫn đã trầm trọng, chị giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh C.

Anh C trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên vợ chồng thường cãi nhau. Năm 2019, chị H đi xuất khẩu lao động. Khi chị đi được 8-9 tháng, vợ chồng làm ăn kinh tế không được, anh đã yêu cầu chị về nước nhưng chị không đồng ý. Từ đó, mâu thuẫn của anh chị ngày càng trầm trọng, thường xuyên tranh cãi, lâu dần không còn liên lạc. Những vấn đề liên quan đến chị H anh không biết và cũng không quan tâm. Chị H về nước cũng không thông báo với anh. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay. Anh chấp hành án tù từ ngày 26-10-2023 tại Đội 23, phân trại 2, trại giam Quảng Ninh- cục C10 – Bộ công an. Trong quá trình anh chấp hành án, chị H không liên lạc và cũng không thăm gặp để bàn bạc, trao đổi thông tin với anh. Anh xác định, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ. Nay chị H xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Tùng A, sinh ngày 28-04-2016 và cháu Ngô Tùng L, sinh ngày 08-02-2018. Hiện tại, các cháu đang

sinh sống tại thôn XX, xã QT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và được bố đẻ của anh Ngô Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng.

Theo chị H trình bày: Anh C đề nghị tòa án giao các con chung cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị nhất trí. Chị mới về nước nên công việc chưa ổn định. Hiện chị đang làm lao động tự do, thu nhập hàng tháng bấp bênh, không cố định. Chị đang ở cùng bố mẹ đẻ tại Giang Hạ, phường Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Các con chung hiện đang học tập và sinh sống cùng với nhau, phát triển khỏe mạnh. Việc tách hai con ra sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý hiện tại của các cháu. Vì vậy anh C nuôi dưỡng sẽ đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho các con. Hiện tại, anh C đang chấp hành án tại Đội 23, phân trại 2, trại giam Quảng Ninh, cục C10, Bộ công an. Chị nhất trí để ông Ngô Văn K (bố đẻ của anh C) thay mặt anh C nuôi dưỡng các con chung trong thời gian anh C chấp hành án. Chị sẽ có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng các con với anh C. Chị tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/con, 02 con chung = 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 3.2024 đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Phương cấp dưỡng theo tháng vào ngày 20 hàng tháng.

Theo anh C trình bày: Từ nhỏ hai con chung Tùng A và Tùng L đã sống cùng và được anh trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn, anh đề nghị tòa án giao cả hai con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Khi anh bị bắt, bố đẻ của anh là ông Ngô Văn K ở nhà thay anh chăm sóc cháu Tùng A và Tùng L. Các cháu được chăm sóc khỏe mạnh, điều kiện sinh sống và học tập ổn định. Khoảng tháng 9-2024, anh C chấp hành xong bản án và trở về địa phương. Trong thời gian chấp hành án, anh ủy quyền cho bố anh là Ngô Văn K thay mặt anh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Tùng A, Tùng L. Anh tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Còn nếu chị H tự nguyện cấp dưỡng, anh cũng nhất trí.

Về tài sản chung: Chị H và anh C xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh với trưởng thôn Tống Thượng, xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn: Anh Ngô Văn C và chị Lưu Thị H là công dân của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh C cùng về chung sống tại nhà bố đẻ của anh C tại thôn Tống Thượng, xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn. Vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2019 chị H đi Đài Loan. Theo thông tin được biết, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là do anh C ham chơi, bài bạc, còn nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm được. Hiện nay, anh C đang chấp hành án phạt tù tại Quảng Ninh, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Ngô Tùng A, sinh ngày 28-04-2016 và cháu Ngô Tùng L, sinh ngày 08-02-2018. Hiện tại, các cháu đang sinh sống tại thôn Tống Thượng, xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và được bố đẻ của anh Ngô Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị H xin ly hôn đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho các cháu Tùng A và Tùng L.

Biên bản xác minh với cán bộ công an xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn : Kết quả tra cứu dữ liệu dân cư quốc gia thể hiện : Anh Ngô Văn C, sinh ngày 13-04-1994, quê quán : xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Theo dữ liệu tra cứu, anh C đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm 12, thôn Tống Thượng, xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Ngoài ra, anh C không đăng ký tạm trú tại nơi nào khác.

Biên ghi lời khai của ông Ngô Văn K (bố đẻ của anh Ngô Văn C): Sau khi kết hôn, vợ chồng anh C, chị H cùng nhau sinh sống tại nhà của ông tại thôn Tống Thượng, xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi chị H đi xuất khẩu lao động được 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Trong thời gian ở Đài Loan, chị H điện thoại về nhà và kể không làm ăn kinh tế được. Do vậy, anh C đề nghị chị về nước để cùng nhau làm ăn và chăm sóc con chung nhưng chị H không đồng ý. Vợ chồng xảy ra tranh cãi. Từ đó, anh C và chị H không còn liên lạc và cũng không có tin tức của nhau. Tháng 7-2023, anh C bị tòa án nhân dân huyện Kim Thành xét xử về tội ‘‘Trộm cắp tài sản’’ với mức án 18 tháng tù. Hiện anh C đang chấp hành án tại trại giam Quảng Ninh- Cục C10. Ông xác định tình cảm vợ chồng anh C không còn. Nay chị H xin ly hôn với anh C đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh C, chị H có hai con chung là cháu Ngô Tùng A, sinh ngày 28-04-2016 và cháu Ngô Tùng L, sinh ngày 08-02-2018. Hiện tại các cháu đang sinh sống tại thôn Tống Thượng, xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và được ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trước đây, khi anh C chưa phạm tội các con chung do anh trực tiếp nuôi dưỡng, ông chỉ hỗ trợ cùng anh chăm con. Từ khi anh C đi chấp hành án ông là người trực tiếp chăm sóc các cháu. Hiện nay ông lao động tự do và có thu nhập từ 9- 10 triệu/tháng. Ông xác định bản thân vẫn đủ điều kiện để đảm bảo các cháu được học tập, sinh sống, phát triển bình thường. Nếu Tòa án giao cháu Tùng A và Tùng L cho anh C được nuôi dưỡng, ông đồng ý nhận sự ủy quyền của anh C tiếp tục nuôi dưỡng các cháu trong thời gian anh phải chấp hành án phạt tù. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng. Chị H có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con, ông nhất trí.

Biên ghi lời khai của bà ông Lưu Văn Cường và bà Ngô Thị Là (bố mẹ đẻ của chị Lưu Thị H: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Ngô Văn C và chị Lưu Thị H sinh sống tại thôn Tống Thượng, xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn. Năm 2019, chị H đi xuất khẩu lao động. Vợ chồng chị H phát sinh mâu thuẫn từ đó. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của anh chị ông bà không nắm được. Chị H kể vợ chồng thường cãi vã, xích mích vì chị đi nước ngoài. Khoảng tháng 6-2023, chị H về nước nhưng không về nhà chồng mà về thẳng nhà ông bà tại Khu dân cư Giang Hạ, phường Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương từ đó cho đến nay. Ông bà đã nhiều lần khuyên nhủ mong muốn anh chị quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dưỡng con chung nhưng chị H không đồng ý. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã không còn. Nay chị H đề nghị xin ly hôn với anh C đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh C, chị H có 02 con chung là cháu Ngô Tùng A, sinh ngày 28-04-2016 và cháu Ngô Tùng L, sinh ngày 08-02-

2018. Hiện tại, các cháu đang sinh sống tại thôn Tống Thượng, xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và được ông nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng ông bà hiện đã nhiều tuổi, không thể giúp đỡ, hỗ trợ chị H trong việc chăm sóc con. Chị H mới về nước, công việc chưa ổn định. Về con chung của anh chị, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị H. Xử cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh Ngô Văn C.

- Về con chung: Giao 02 con chung Ngô Tùng A, sinh ngày 28-04-2016 và cháu Ngô Tùng L, sinh ngày 08-02-2018 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị H 1.000.000đ/tháng/con, 02 con chung = 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 3.2024 đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Phương cấp dưỡng theo tháng vào ngày 20 hàng tháng. Chấp nhận sự ủy quyền của các đương sự về việc tạm giao con chung Ngô Tùng A và Ngô Tùng L cho ông Ngô Văn K trực tiếp nuôi dưỡng trong thời gian anh Ngô Văn C phải chấp hành án phạt tù.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Lưu Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lưu Thị H khởi kiện xin ly hôn đối với anh Ngô Văn C đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Tống Thượng, xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị H và anh Ngô Văn C kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đủ các điều kiện kết hôn, có

đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Hiện tại anh chị đã sống ly thân từ năm 2019, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Vợ chồng anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về đoàn tụ. Kết quả xác minh tại địa phương cũng thể hiện mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng chị H, anh C vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2.Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Tùng A, sinh ngày 28-04-2016 và cháu Ngô Tùng L, sinh ngày 08-02-2018. Hiện tại các cháu đang sinh sống tại thôn Tống Thượng, xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và được bố đẻ của anh Ngô Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại chị H làm lao động tự do, thu nhập và chỗ ở không ổn định. Bố mẹ đẻ của chị H đã cao tuổi, không thể giúp đỡ chị chăm sóc con chung. Cháu Tùng A có nguyện vọng được ở với anh C. Anh C đảm bảo đủ điều kiện để các con chung được nuôi dưỡng, phát triển đầy đủ. Ông K (bố đẻ của anh C) hỗ trợ anh trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Việc tách hai con ra sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý hiện tại của các cháu. Cả chị H, anh C và ông K đều có quan điểm thống nhất đề nghị Tòa án giao con các chung Tùng A và Tùng L cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Trong thời gian anh C chấp hành án phạt tù anh C ủy quyền cho ông K chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Xét quan điểm của các đương sự phù hợp với nhau, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của các bên. Giao con theo sự thống nhất của chị H, anh C và ông K để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Tùng A, cháu Tùng L. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận việc giao cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung Ngô Tùng A, sinh ngày 28-04-2016 và cháu Ngô Tùng L, sinh ngày 08-02-2018 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Ông K, anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng chị H tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/con, 02 con chung = 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 3.2024 đến khi các con chung tròn 18 tuổi, phương cấp dưỡng theo tháng vào ngày 20 hàng tháng. Xét đây là sự nguyện của chị H trong việc cấp dưỡng tiền hỗ trợ anh C nuôi các con chung, anh C, ông K cũng không có ý kiến gì nên đảm bảo quyền lợi cho các cháu phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H và anh C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3].Về án phí: Chị Lưu Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147

Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị H được ly hôn với anh Ngô Văn C.

- Về con chung: Giao con 02 con chung là cháu Ngô Tùng A, sinh ngày 28-04-2016 và cháu Ngô Tùng L, sinh ngày 08-02-2018 cho anh Ngô Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị H tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/con, 02 con chung = 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 3.2024 đến khi các con chung tròn 18 tuổi, phương cấp dưỡng theo tháng vào ngày 20 hàng tháng.

Chấp nhận sự ủy quyền của anh Ngô Văn C và ông Ngô Văn K về việc tạm giao con chung Ngô Tùng A và Ngô Tùng L cho ông Ngô Văn K trực tiếp nuôi dưỡng trong thời gian anh Ngô Văn C phải chấp hành án phạt tù.

Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Lưu Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H đã nộp là 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002296 ngày 28-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị Lưu Thị H còn phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị H, anh Ngô Văn C, ông Ngô Văn K vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND.xã Quang Thành, TX Kinh Môn (ghi sổ hộ tịch).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa